

NGHIÊN CỨU PHÂN TẦNG XÃ HỘI: MỘT SỐ LÝ THUYẾT VÀ PHÂN LOẠI THỰC NGHIỆM QUỐC TẾ

BÙI THẾ CƯỜNG*

Từ lâu, cộng đồng xã hội học quốc tế đồng thuận rằng lý thuyết phân tầng xã hội của Karl Marx và Max Weber là hai nền tảng cổ điển cho nghiên cứu xã hội học về phân tầng xã hội. Dựa trên hai nền tảng ấy, các nhà xã hội học khái niệm hóa và thao tác hóa thành những khung phân loại phân tầng xã hội để có thể làm thực nghiệm, trong đó nổi bật là nỗ lực nhiều năm của Erik Olin Wright và John Harry Goldthorpe. Bốn mươi năm qua, nhiều học giả tiếp tục vận dụng hai khung phân loại của Wright và Goldthorpe theo những cách khác nhau để khảo sát thực nghiệm cơ cấu phân tầng các xã hội cụ thể. Từ cuối thập niên 1990 đến nay, David Bryan Grusky liên tục cập nhật cảnh quan nghiên cứu phân tầng xã hội quốc tế và đề xuất mô hình phân tích tám tài nguyên phân tầng xã hội.

Từ khóa: nghiên cứu phân tầng xã hội, John H. Goldthorpe, David B. Grusky, Karl Marx, Max Weber, Erik Olin Wright

Nhận bài ngày: 27/5/2021; *đưa vào biên tập:* 5/6/2021; *phản biện:* 25/6/2021; *duyet đăng:* 10/7/2021

1. MỞ ĐẦU

Hàng ngàn năm trước, những học giả lớn như Khổng Tử, Platon và Aristotle đã luận bàn về cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội. Chủ đề này nổi bật ở Tây Âu đầu thế kỷ XIX khi bùng nổ công nghiệp hóa và cách mạng xã hội. Từ lâu, loài người tìm hiểu về cấu trúc vật lý để nắm bắt và chế tác thế giới tự

nhien, đồng thời cũng sớm quan tâm nhận diện và đo lường cơ cấu xã hội để hiểu thế giới xã hội nhằm tác động và quản lý nó. Lịch sử nghiên cứu xã hội học hiện đại quốc tế về phân tầng xã hội đã trải dài hai thế kỷ và diễn ra ở hầu hết các nước có bộ môn xã hội học.

Liên quan lịch sử nghiên cứu phân tầng xã hội, ta thấy hai hướng tri thức hình thành và phát triển song song,

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

liên hệ và tương tác nhau nhưng khá độc lập nhau. Đó là hướng khảo cứu mang tính lý thuyết ở giới học thuật và hướng đo lường trong ngành thống kê. Đối với hướng phân loại mang tính thống kê, tác giả bài viết đã đề cập trong một số ấn phẩm trước (Bùi Thế Cường, 2019a, 2020a). Bài viết này dành cho hướng nghiên cứu mang tính lý thuyết. Trước hết, bài viết đề cập hai lý thuyết phân tầng xã hội cổ điển của Karl Marx và Max Weber, tiếp đó giới thiệu hai khung phân loại phân tầng thực nghiệm chính dựa trên nền tảng hai lý thuyết cổ điển đó. Cuối cùng, giới thiệu sơ đồ lý thuyết của David Bryan Grusky. Bài viết là sản phẩm của đề tài *Cơ cấu giai tầng xã hội vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2010-2020* do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phê duyệt và tài trợ, thực hiện năm 2019-2020. Nhiều nội dung, bài viết lấy lại từ Báo cáo tổng hợp của Đề tài (Bùi Thế Cường, 2020b).

2. ĐỊA VỊ CỦA NGHIÊN CỨU PHÂN TẦNG XÃ HỘI

Mục từ “Phân tầng xã hội” của Robert E.L. Faris và William Form (2020) trong *Britannica Encyclopedia* viết như sau: “Vì phân tầng xã hội là mối quan tâm có tính ràng buộc và trung tâm nhất của xã hội học, nên những biến đổi trong nghiên cứu phân tầng phản ánh những khuynh hướng trong toàn bộ bộ môn khoa học này”⁽¹⁾. Năm 2001, Grusky nêu một thống kê cho thấy 25% bài đăng ở những tạp chí xã hội chủ chốt ở các nước phát triển kể

từ thập niên 1960 là về bất bình đẳng xã hội và di động xã hội. Ông nói: “không còn là ‘thời kỳ cất cánh’ nữa, nhưng nghiên cứu phân tầng đã định chế hóa vững chắc và củng cố thành công chỗ đứng của nó như là một trong những tiếp cận chủ chốt trong xã hội học” (Grusky, editor, 2001: xi)⁽²⁾.

Có thể minh họa tính sôi động của nghiên cứu phân tầng xã hội bằng lịch sử xuất bản công trình *Phân tầng xã hội: Giai cấp, chủng tộc, và giới trong lối nhìn xã hội học* [Social Stratification: Class, Race, and Gender in Sociological Perspective] do Grusky chủ biên. Công trình xuất bản lần đầu năm 1994, tái bản năm 2001, 2008 và 2014. Do áp lực thay đổi nhanh trong phân tầng xã hội và bất bình đẳng, cuốn sách phải liên tục cập nhật nghiên cứu mới. Lần tái bản 2001 có 38% đầu tài liệu trích đoạn (Grusky, editor, 2001: xi). Lần tái bản 2008, 44% đầu tài liệu mới trong tổng số 111 đầu tài liệu trích đoạn (Grusky, editor, 2008: xvii). Lần tái bản 2014, 40% đầu tài liệu mới trong 132 đầu tài liệu trích đoạn (Grusky, editor, 2014: xix)⁽³⁾.

3. KHÁI NIỆM PHÂN TẦNG XÃ HỘI

Các nhà xã hội học xem phân tầng xã hội là một trong những khía cạnh quan trọng bậc nhất của cơ cấu xã hội. Do tính quyết định của nó nên trong thời gian dài và ở nền xã hội học nhiều nước, trong đó có Việt Nam, khi nói đến cơ cấu xã hội thì người ta mặc nhiên nội dung cơ bản của nó là phân tầng xã hội.

Theo Nicholas Abercrombie và cộng sự (2006: 360-361), có hai quan niệm đại cương về cơ cấu xã hội của chủ nghĩa chức năng và chủ nghĩa hiện thực. Chức năng luận cho rằng cơ cấu xã hội là những khuôn mẫu trong thực tiễn xã hội có thể quan sát được. Hiện thực luận thì cho rằng cơ cấu xã hội là nguyên tắc ẩn bên dưới những sắp xếp xã hội không thể quan sát được. Nhiều ý kiến tán thành: “cơ cấu xã hội nói đến những quan hệ bền vững, có trật tự và được khuôn mẫu hóa giữa các thành tố của một xã hội, một định nghĩa gọi lại các nhà xã hội học thế kỷ XIX so sánh xã hội với cỗ máy hay cơ thể sinh vật” (Abercrombie *et al.*, 2006: 361)⁽⁴⁾. Cũng có tranh cãi về thành tố của cơ cấu xã hội là gì nhưng đa số nhà xã hội học tán thành quan niệm “với tính cách là những khuôn mẫu hành vi xã hội được tổ chức lại, thành tố của cơ cấu xã hội là các định chế xã hội” (Abercrombie *et al.*, 2006: 361)⁽⁵⁾.

Xã hội học sử dụng khái niệm “phân tầng xã hội để mô tả hệ thống các tầng xã hội [social standing]. Phân tầng xã hội nói đến việc phạm trù hóa dân cư của một xã hội vào những tầng kinh tế xã hội dựa trên các yếu tố như tài sản, thu nhập, chủng tộc, học vấn và quyền lực” (OpenStax, 2017: 185).

Diana Kendall (2010: 208) dẫn lại một định nghĩa của Feagin và Feagin (2008) như sau: “Phân tầng xã hội là sự sắp xếp mang tính trên dưới [hierarchical] các nhóm dân cư lớn

dựa trên sự kiểm soát của họ đối với những nguồn lực cơ bản”⁽⁶⁾. Tiếp theo, Kendall (2010: 208) nhấn mạnh: “Phân tầng bao gồm những bất bình đẳng cấu trúc gắn với các thành viên trong mỗi nhóm cũng như các hệ tư tưởng hỗ trợ cho bất bình đẳng. Các nhà xã hội học xem xét các nhóm xã hội tạo nên tháp phân tầng trong một xã hội và xác định các bất bình đẳng được cấu trúc hóa và củng cố qua thời gian như thế nào”⁽⁷⁾.

Abercrombie và cộng sự (2006: 381) cho rằng “Những khác biệt xã hội trở thành phân tầng xã hội khi dân cư chịu sự xếp đặt mang tính thứ bậc theo cách bất bình đẳng. Thành viên của các tầng có xu hướng cùng có chung cơ may cuộc sống hoặc phong cách sống và có thể biểu hiện một nhận thức về bản sắc chung, và những đặc trưng đó tiếp tục khác biệt họ với những tầng khác”⁽⁸⁾. Nhóm tác giả nhận xét tiếp: “Các hệ thống phân tầng có thể dựa trên một loạt đặc trưng xã hội; chẳng hạn, giai cấp xã hội, chủng tộc, giới, xuất xứ khi sinh hoặc tuổi. Những hệ thống đó cũng có thể được sắp đặt từ những đặc trưng làm nền tảng để tạo nên uy thế hay vị thế cho đến những đặc trưng liên hệ nhiều hơn với kinh tế, như giai cấp xã hội” (Abercrombie *et al.*, 2006: 381)⁽⁹⁾.

4. LÝ THUYẾT PHÂN TẦNG XÃ HỘI MARX VÀ ENGELS

Những thay đổi cơ cấu xã hội và văn hóa kịch tính ở Tây Âu do công nghiệp hóa và cách mạng xã hội gây ra từ cuối thế kỷ XVIII khiến giới chính

khách và trí thức Tây Âu quan tâm nhiều đến vấn đề giai cấp. Trong bối cảnh đó, Karl Marx và Friedrich Engels, sinh sống ở Anh nhưng luôn bao quát những biến đổi xã hội vĩ mô ở Âu Châu và Mỹ, đã nỗ lực làm rõ cơ cấu xã hội chung của mọi hình thái xã hội và của kiểu xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại. Chính ở Anh và từ thập niên 1840, hai ông phát triển những luận đề cơ bản liên quan đến cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội.

Trong thư gửi Pavel Vasilyevich Annenkov ngày 28/12/1846, Marx phát biểu quan niệm duy vật lịch sử: “Xã hội – bất cứ dưới hình thái nào – là gì? Nó là sản phẩm của sự tác động lẫn nhau giữa người với người... Hãy giả dụ một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất của người ta và ông sẽ có một hình thái trao đổi và tiêu dùng nhất định. Hãy giả dụ một trình độ phát triển nhất định của sản xuất, trao đổi và tiêu thụ, và ông sẽ có một chế độ xã hội nhất định, một tổ chức nhất định của gia đình, của đẳng cấp hay giai cấp, nói tóm lại, là có một xã hội công dân nhất định, và ông sẽ có một chế độ chính trị nhất định, chế độ chính trị này chỉ là biểu hiện chính thức của xã hội công dân mà thôi.” (Mác và Ăng-ghe-nh, 1962: 7)⁽¹⁰⁾.

Năm 1848, trong *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*, hai ông nêu cách nhìn của mình về phân tầng xã hội như sau: “Lịch sử mọi xã hội đã tồn tại tới nay đều là lịch sử của những cuộc đấu tranh giai cấp. Người tự do và nô lệ,

quý tộc và bình dân, lãnh chúa và nông nô, thợ cả trong phường hội và thợ bần, tóm lại một từ, người áp bức và người bị áp bức, luôn đối lập nhau, tiến hành một cuộc đấu tranh không ngừng, khi công khai khi ngấm ngầm, một cuộc đấu tranh rồi ra sẽ kết thúc hoặc bằng một cuộc tái thể chế mang tính cách mạng toàn bộ xã hội hoặc bằng sự diệt vong chung của các giai cấp tham gia tranh đấu.

Trong những thời đại lịch sử trước, ta thấy gần như mọi nơi một sự sắp xếp xã hội phức tạp vào những trật tự, một sự phân cấp xã hội đa tầng lớp. Thời La Mã cổ đại, ta có quý tộc, hiệp sĩ, bình dân, nô lệ; thời Trung cổ thì quý tộc phong kiến, chư hầu, thợ cả phường hội, thợ bần, thợ học nghề, nông nô; trong hầu hết mọi giai cấp ấy lại có những thứ bậc bên trong.” (Marx and Engels, 1848)⁽¹¹⁾.

Tiếp theo đoạn viết trên, hai ông phân tích tiến triển lịch sử của cơ cấu phân tầng xã hội trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại, bao gồm hai giai cấp cơ bản là tư sản và vô sản, cũng như “các giai cấp trung đẳng”⁽¹²⁾. Hai ông cũng chỉ ra nguồn gốc cơ bản của phân chia giai cấp là sở hữu tư liệu sản xuất và trao đổi, cũng như quyền lực chính trị. Vì vậy, theo Erik Olin Wright (2005a: 3), ý tưởng trung tâm của Marx trong việc xác định giai cấp là theo nghĩa những quá trình bóc lột và gắn khái niệm với những hệ thống khác nhau của các quan hệ kinh tế. Tuy nhiên, căn cứ những trích dẫn trên, tôi muốn bổ sung, khái niệm

phân tầng xã hội giai cấp của Marx còn gắn với tính chất áp bức chứ không chỉ với tính chất bóc lột.

5. LÝ THUYẾT PHÂN TẦNG XÃ HỘI WEBER

Phân tầng xã hội cũng là chủ đề thu hút Max Weber, người bắt đầu hoạt động học thuật từ cuối thập niên 1880, sau Marx 40 năm. Lý thuyết phân tầng xã hội và giai cấp của Weber xuyên suốt trong bộ *Kinh tế và xã hội* [Economy and Society] xuất bản 1922. Đây là tập hợp những nghiên cứu Weber viết trong nhiều năm. Các ý tưởng chính về phân tầng xã hội của Weber tập trung trong hai tiểu luận. Đó là *Sự phân bố quyền lực trong cộng đồng: Giai cấp, Ständ, đảng phái* [The Distribution of Power within the Community: Classes, Ständ, Parties], viết khoảng năm 1913-1914, thuộc Chương IX Mục 6 trong bộ *Kinh tế và xã hội* (Weber, 1978: 926-940; Waters and Waters, 2015: 37-40). Và tiểu luận thứ hai là Chương IV nhan đề *Các nhóm vị thế và giai cấp* [Status Groups and Classes] (Weber, 1978: 302-307).

Mô hình Weber thường được gọi là “lý thuyết ba cấu thành của phân tầng” [three component theory of stratification]. Weber xác định: “Một tình huống giai cấp là tình huống trong đó có một khả năng điển hình được chia sẻ để kiếm được vật phẩm, đạt được một vị trí trong cuộc sống, và tìm thấy sự hài lòng nội tâm” (Weber, 1978: 302)⁽¹³⁾. Tổng hợp điều đó chính là cơ may cuộc sống [life chances]

của mỗi cá nhân và của mỗi giai cấp trong đó các thành viên chia sẻ cùng một cơ may cuộc sống. Thị trường phân bố những cơ may cuộc sống theo các nguồn lực mà cá nhân mang đến thị trường. Nhưng nguồn lực mang đến thị trường, theo Weber quan niệm, thì gồm nhiều loại: từ sở hữu tài sản đến kỹ năng, giáo dục, và những lượng sản [assets] khác. Mọi lượng sản ấy phải có giá trị trong bối cảnh thị trường. Do đó, tình huống giai cấp đồng nhất với tình huống thị trường (Breen, 2005: 32). Sau này một số học giả, chẳng hạn Grusky, đã phát triển một khung phân tích về các loại hình lượng sản, dưới đây sẽ đề cập.

Quan sát thời đại mình sống, Weber cho rằng trong chủ nghĩa tư bản có bốn giai cấp xã hội, trước hết dựa trên sự khác biệt về sở hữu tài sản và tư liệu sản xuất, những người có và những người không có sở hữu tài sản. Đây cũng là nguyên lý phân biệt cơ bản trong lý thuyết phân tầng xã hội của Marx và Engels. Nhưng Weber cho rằng hai nhóm đó tiếp tục khác biệt theo kiểu tài sản và kiểu dịch vụ cung cấp trên thị trường. Kết quả, có bốn giai cấp: (i) Giai cấp sở hữu tài sản [propertied class], (ii) giai cấp tiểu tư sản truyền thống, (iii) giai cấp trí thức, hành chính và quản lý [intellectual, administrative, and managerial class], những người có bằng cấp chính thức, và (iv) giai cấp lao động [working class]. Nhưng giai cấp chỉ là một khía cạnh trong phân

tầng xã hội, Weber cho rằng cần tính đến hai khía cạnh khác: vị thế [status hay Ständ] và quyền lực [power].

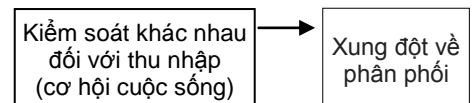
Hai lý thuyết phân tầng xã hội cổ điển của Marx và Weber là nền tảng phương pháp luận để nhiều nhà xã hội học đi tiếp trên con đường đưa lý thuyết vào thực nghiệm. Erik Olin Wright và John Harry Goldthorpe được xem là hai tác giả chính phát triển di sản Marx và Weber.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng tiếp cận của Marx và Weber rất khác nhau, nhưng Wright (2005b: 35) nhận xét, thực ra hai tiếp cận đó nhiều điểm chung bên cạnh những khác biệt. Wright minh họa nhận xét của mình bằng sơ đồ thể hiện trong Hình 1. Wright cho rằng có ba mô hình phân tích giai cấp. Mô hình phân tích giai cấp giản đơn đặt giai cấp đồng nhất với bất bình đẳng trong thu nhập,

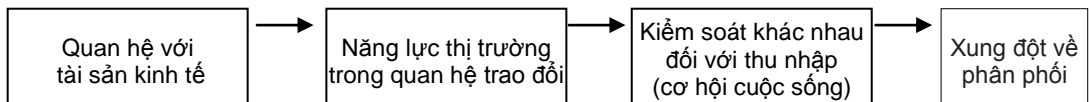
kiểm soát khác nhau về thu nhập là sự khác biệt trong cơ may cuộc sống, và chỉ dẫn đến xung đột về phân phối. Trong khi đó, mô hình phân tích Marxist và Weberian đều bắt đầu từ quan hệ xã hội, nó quyết định khả năng con người tiếp cận đến các nguồn lực kinh tế [economic assets]. Cả hai mô hình cũng thừa nhận, từ kiểm soát nguồn lực kinh tế dẫn đến năng lực thị trường trong quan hệ trao đổi, và từ đó dẫn đến sự kiểm soát khác nhau đối với thu nhập, do đó đến cơ may cuộc sống. Nhưng khác với tiếp cận Weberian, tiếp cận Marxist còn chỉ ra quá trình thứ hai là trong bản thân quá trình sản xuất, tức là những kiểm soát khác biệt đối với lao động, thể hiện sự bóc lột và thống trị. Do đó, hệ quả không chỉ là xung đột về phân phối mà cả xung đột về sản xuất nữa.

Hình 1. Ba mô hình phân tích giai cấp theo sơ đồ của Wright

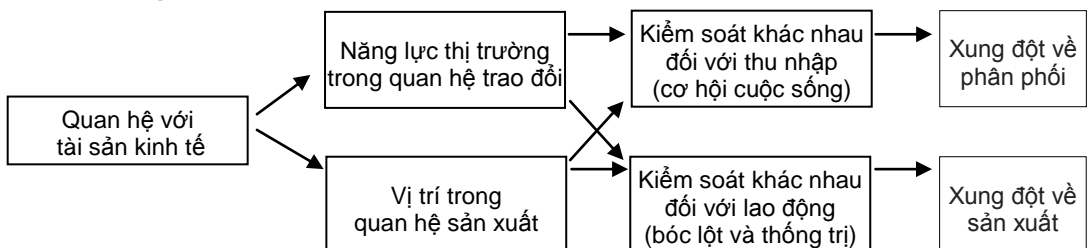
A. Phân tích giai cấp giản đơn



B. Phân tích giai cấp Weberian



C. Phân tích giai cấp Marxist



Nguồn: Wright, 2005b: 26.

6. KHUNG PHÂN TẦNG XÃ HỘI WRIGHT

Trong thập niên 1970-1980 nổi lên hai khung phân loại giai cấp thực nghiệm dựa trên tiếp cận phân tầng xã hội của Marx và Weber, trong đó mô hình của Erik Olin Wright được xem là nghiêng nhiều hơn theo hướng Marxist, còn mô hình của John Harry Goldthorpe và cộng sự được xem là nghiêng nhiều hơn theo hướng Weberian.

Trong mô hình của mình, Marx và Engels có đề cập đến sự tồn tại của các giai cấp trung lưu cũng như đến thực tế có nhiều bậc nhỏ trong mỗi giai cấp kể cả trong giai cấp vô sản. Nhưng hai ông dự đoán xu hướng những giai cấp này sẽ rơi vào địa vị và hoàn cảnh của giai cấp vô sản (Marx and Engels, 1848). Tương lai dài hạn chưa rõ sẽ như thế nào, song thực tế ở các nước công nghiệp phát triển từ nửa sau thế kỷ XX cho đến nay phức tạp hơn nhiều. Và để làm thực nghiệm, thì bản thân lý thuyết đại cương của Marx và Weber cũng cần phải tiếp tục khái niệm hóa và thao tác hóa, sao cho có thể đo lường được trong thế giới thực.

Một số nhà nghiên cứu Marxist tìm cách xây dựng những khung phân tích giải quyết các khó khăn và thách thức nói trên, trong đó nổi bật là nỗ lực của Wright (1985, 1989, 1997, 2005a, 2005b, 2005c, 2015). Wright quan sát thấy, trước hiện tượng lan rộng giai cấp trung lưu, các nhà nghiên cứu Marxist tản ra bốn nhận định khác nhau. *Một*, xem giai cấp trung lưu chỉ

là một ảo tưởng mang tính hệ tư tưởng, chứ không có thực. *Hai*, giai cấp trung lưu thực ra là bộ phận của một giai cấp khác (hoặc là tiểu tư sản mới hoặc là giai cấp công nhân mới). *Ba*, thừa nhận giai cấp trung lưu là một giai cấp mới, không phải tư sản, không phải công nhân, cũng chẳng phải tiểu tư sản. *Bốn*, trên thực tế trung lưu không phải là một giai cấp mà là nhiều giai cấp (Bergman and Joye, 2005: 13).

Wright phân biệt hai kiểu lượng sản [asset] phổ biến trong xã hội hiện đại, đó là lượng sản tổ chức kiểm soát bộ máy quan liêu [bureaucratically controlled organizational assets] và kỹ năng [skills]⁽¹⁴⁾. Khi sử dụng khái niệm hai kiểu lượng sản, Wright có vẻ mượn lý thuyết Weber để bổ sung cho quan điểm Marxist của mình. Kết quả Wright dựng nên mô hình 12 giai cấp, trong đó có ba giai cấp sở hữu tài sản và 9 giai cấp lao động. Mô hình này trước hết dựa trên sự phân biệt có hay không sở hữu tài sản, tiếp đó các giai cấp lao động được phân biệt dựa trên kỹ năng và quyền hạn [authority] (Wright, 1997) (Hình 2).

Như vậy, sơ đồ phân loại của Wright dựa trên ba thành tố: sở hữu, chuyên môn [expertise] và quyền hạn. Trong khảo sát thực nghiệm, sở hữu được thu thập dữ liệu từ câu hỏi về địa vị việc làm [employment status] và số lao động thuê mướn, chuyên môn thì dựa trên mức học vấn hay mã nghề. Quyền hạn phức tạp hơn, thường dựa trên dữ liệu về nhiệm vụ quản lý ở nơi

Hình 2. Phân loại phân tầng xã hội theo 12 giai cấp Wright

Chủ sở hữu Owners		Lao động làm công Wage laborers		
1 tư sản bourgeoisie	4 chuyên gia quản lý expert managers	7 không quản lý, có bằng bậc giữa semicredentialed nonmanagers	10 quản lý, không bằng cấp uncredentialed managers	Lượng sản quản lý Management Assets
2 chủ nhỏ small employers	5 chuyên gia giám sát expert supervisors	8 giám sát, có bằng bậc giữa semicredentialed supervisors	11 giám sát, không bằng cấp uncredentialed supervisors	
3 tiểu tư sản petty bourgeoisie	6 chuyên gia không quản lý expert nonmanagers	9 công nhân, có bằng bậc giữa semicredentialed workers	12 vô sản proletariat	
+Lượng sản kỹ năng/bằng cấp Skilled/ Credentialed Assets-				

Nguồn: Bergman and Joye, 2005: 16.

Hình 3. Phân loại phân tầng xã hội theo bảy giai cấp Wright

Chủ sở hữu Owners		Người làm công Employees		
1 chủ employers	2 tiểu tư sản petty bourgeoisie	3 chuyên gia-quản lý manager-experts	5 chuyên môn professionals	chuyên gia experts
			6 bán chuyên môn semi- professionals	bán chuyên gia semi-experts
		4 quản lý managers	7 công nhân workers	không chuyên gia nonexperts
quản lý managers	không quản lý nonmanagers	quản lý và giám sát managers and supervisors	không quản lý nonmanagers	

Nguồn: Bergman and Joye, 2005: 17.

làm việc, mức độ tham gia vào quyết định chính sách ở nơi làm việc, hoặc khả năng thưởng phạt đối với người lao động dưới quyền. Phương án 12 giai cấp Wright cũng được đơn giản hóa thành phương án tám hoặc bảy giai cấp để phục vụ cho loại khảo sát mẫu không lớn và cho nghiên cứu so sánh (Hình 3).

7. KHUNG PHÂN TẦNG XÃ HỘI GOLDTHORPE

Xấp xỉ cùng thời với Wright, nửa đầu thập niên 1970 John Harry Goldthorpe cũng quan tâm đến chủ đề phân tầng xã hội. Trong thập niên 1980, ông cùng cộng sự phát triển một mô hình giai cấp sau được gọi là EGP (Erikson-Goldthorpe-Portocarero, mang tên ba

tác giả). Goldthorpe còn đưa ra một phiên bản Anh của mô hình đó, mà sau này cơ quan thống kê của Chính phủ Anh dựa vào để thiết kế mô hình phân loại giai cấp, sử dụng chính thức từ năm 2002. Goldthorpe giải thích chi tiết mô hình phân loại giai cấp thực

nhệm của mình và cộng sự trong các công trình như Chương 2 cuốn sách *Biến chuyển bền vững: Một nghiên cứu về di động giai cấp trong các xã hội công nghiệp* [The Constant Flux: A Study of Class Mobility in Industrial Societies] (Erikson and

Bảng 1. Phân loại phân tầng xã hội theo giai cấp Goldthorpe

Phương án 11 giai cấp	Phương án bảy giai cấp	Phương án bốn giai cấp
I Giai cấp phục vụ bậc trên [Upper service class]	I Giai cấp phục vụ bậc trên [Upper service class]	I + II Giai cấp phục vụ [Service class]
II Giai cấp phục vụ bậc dưới [Lower service class]	II Giai cấp phục vụ bậc dưới [Lower service class]	
IIIa Người làm công không chân tay thường lệ, bậc trên [Routine nonmanual employees, higher grade]	III Người làm công không chân tay thường lệ [Routine nonmanual]	IIIa + V Giai cấp trung đẳng [Intermediate class]
IIIb Người làm công không chân tay thường lệ, bậc dưới [Routine nonmanual employees, lower grade]		IIIb + VI + VII Giai cấp công nhân [Manual class]
IVa Chủ nhỏ có thuê nhân công [Small Proprietors with employees]	IV Tiểu tư sản [Petty bourgeoisie]	IV Tiểu tư sản [Petty bourgeoisie]
IVb Chủ nhỏ không thuê nhân công [Small Proprietors without employees]		
IVc Nông dân và lao động tự làm khác trong khu vực sản xuất thứ nhất [Farmers and other self-employed workers in primary production]		
V Chuyên môn bậc dưới và giám sát lao động chân tay [Lower-grade technicians and supervisors of manual workers]	V Chuyên môn và giám sát [Technicians and supervisors]	IIIa + V Giai cấp trung đẳng [Intermediate class]
VI Công nhân có kỹ năng [Skilled manual workers]	VI Công nhân có kỹ năng [Skilled manual]	IIIb + VI + VII Giai cấp công nhân [Manual class]
VIIa Công nhân bán kỹ năng và không kỹ năng (phi nông nghiệp) [Semi- and non-skilled manual workers (not in agriculture)]	VII Công nhân không kỹ năng [Non-skilled manual]	
VIIb Công nhân nông nghiệp bán kỹ năng và không kỹ năng [Semi- and non-skilled manual workers in agriculture]		

Nguồn: Breen, 2005: 41.

Goldthorpe, 1992) và Chương 10 cuốn sách *Về xã hội học: Số, tự sự và tích hợp nghiên cứu với lý thuyết* [On Sociology: Numbers, Narratives and the Integration of Research and Theory] (Goldthorpe, 2000).

Bảng 1 mô tả ba phương án phân loại giai cấp của Goldthorpe và cộng sự. Trong đó, khung phân loại chi tiết hay cơ bản bao gồm 11 giai cấp. Từ khung phân loại cơ bản này có thể gộp lại thành phiên bản bảy giai cấp và bốn giai cấp, tùy thuộc mục đích phân tích.

Trên thực tế, 11 giai cấp đã được gộp sẵn thành bảy giai cấp. Đó là: (I) giai cấp phục vụ bậc trên; (II) giai cấp phục vụ bậc dưới; (III) người làm công không lao động chân tay (bao gồm IIIa là bậc trên và IIIb là bậc dưới); (IV) giai cấp tiểu tư sản (bao gồm IVa là có thuê nhân công, IVb là không thuê nhân công, IVc là nông dân và lao động tự làm khác trong khu vực sản xuất thứ nhất); (V) các nhà chuyên môn và giám sát; (VI) công nhân có kỹ năng, và (VII) công nhân bán kỹ năng và không kỹ năng (bao gồm VIIa là công nhân phi nông nghiệp và VIIb là công nhân nông nghiệp).

Gộp nhập tiếp thì có bốn giai cấp: Giai cấp phục vụ (I+II); giai cấp trung đẳng (IIIa+V); giai cấp tiểu tư sản (IV); và giai cấp công nhân (IIIb+VI+VII).

8. MÔ HÌNH PHÂN TÍCH PHÂN TẦNG XÃ HỘI GRUSKY

David Bryan Grusky là tác giả nổi tiếng quốc tế trong địa hạt nghiên cứu

phân tầng xã hội và bất bình đẳng. Chỉ cần đọc những cuốn sách ông chủ biên xuất bản hơn 25 năm qua là có thể nắm bắt đại thể cảnh quan chủ đề nghiên cứu này, từ cổ điển đến đương đại (Grusky và cộng sự, 1994, 2001, 2008, 2011, 2014, 2018). Cùng với cộng sự, Grusky cũng là người đề xuất một số ý tưởng lý thuyết mới mẻ về phân tầng xã hội⁽¹⁵⁾.

Trong mô hình phân tích của mình (Grusky and Ku, 2008: 5; Grusky and Weisshaar, 2014: 2), Grusky và cộng sự lập luận, các hệ thống phân tầng bao gồm ba thành tố. *Một*, quá trình định chế xác định những vật phẩm nào có giá trị và đáng mong muốn. *Hai*, những quy tắc phân phối những vật phẩm đó cho các vị trí việc làm hay nghề trong hệ thống phân công lao động. *Ba*, những cơ chế dịch chuyển (di động) để gắn con người vào vị trí việc làm. Bất bình đẳng nảy sinh thông qua hai quá trình kết hợp với nhau. Quá trình một, gắn các gói phần thưởng không bằng nhau vào các vị trí xã hội khác nhau. Quá trình hai, phân phối các cá nhân vào những vị trí xã hội có gói phần thưởng không bằng nhau ấy.

Có những tài nguyên, lượng sản nào mà xã hội xem là giá trị để phân phối cho các vị trí xã hội? Trả lời câu hỏi này, Grusky và cộng sự tổng hợp có tám loại tài nguyên có thể đầu tư hay tiêu dùng (Bảng 2)⁽¹⁶⁾. Những tài nguyên ấy là vật liệu thô [raw materials] của hệ thống phân tầng, và Grusky chỉ rõ nghiên cứu phân tầng

xã hội tức là làm rõ những vật liệu thô ấy được phân phối như thế nào trong một quần thể dân cư.

Bảng 2. Kiểu tài nguyên và biểu hiện minh họa

TT	Tài nguyên	Biểu hiện minh họa		
1	Kinh tế	Tài sản	Thu nhập	Sở hữu
2	Quyền lực	Quyền lực chính trị	Quyền hạn nơi làm việc	Quyền hạn hộ gia đình
3	Văn hóa	Tri thức	Văn hóa số	Cung cách
4	Xã hội	Câu lạc bộ xã hội	Hiệp hội	Mạng lưới xã hội
5	Uy tín	Nghề	Tôn giáo	Tài cán
6	Dân sự	Quyền lao động	Quyền được xử án công bằng	Quyền bầu cử
7	Con người	Đào tạo tại chỗ	Giáo dục phổ thông cơ bản	Đào tạo nghề
8	Thể chất	Tử vong	Bệnh thể chất	Bệnh tâm thần

Nguồn: Grusky, 2014: 3.

Theo Grusky, sự phân phối ấy có bốn đặc trưng mà nghiên cứu phân tầng cần xem xét. *Một*, mức độ [degree] bất bình đẳng tổng quát [the overall amount of inequality] của một tài nguyên, tức “mức phân tán hay tập trung của tài nguyên trong các thành viên của quần thể” [“its dispersion or concentration among the individuals in the population”] (Grusky and Weisshaar, 2014: 2). *Hai*, mức phạm vi [extent] mà các cá nhân bị gắn chặt thường

xuyên vào các vị trí xã hội, phản ánh tính đồng cứng [rigidity] của một hệ thống phân tầng. Một hệ thống phân tầng là có tính đóng [rigid] khi có tương quan mạnh giữa tài sản, quyền lực và uy thế hiện tại của một cá nhân với vị thế trước đó của họ hay vị thế của cha mẹ họ. *Ba*, mức phạm vi mà các đặc trưng gán [ascriptive traits] đã cố định ngay từ khi người ta sinh ra được sử dụng để phân bổ tài nguyên. Điều kiện hay đặc điểm khi sinh ra, như vị thế của cha mẹ, giới, tộc người, có ảnh hưởng đến vị thế xã hội sau này của cá nhân. *Bốn*, mức độ các chiều kích của bất bình đẳng kết nối, kết tinh [crystallized] với nhau. Mức độ kết tinh thể hiện ở tương quan giữa các nguồn lực. Nếu tương quan là mạnh, thì cũng một người đó sẽ luôn xuất hiện ở cùng vị trí trong mọi thang bậc [hierarchy] khác nhau. Ngược lại, sẽ xuất hiện tình trạng không nhất quán hay không tương thích vị thế [status inconsistencies] trong các hệ thống phân tầng.

Trên đây trình bày lại khung phân tích phân tầng xã hội của Grusky. Trước hết, ta có bảng “tám tài nguyên phân tầng xã hội” tổng quát [eight types of assets]. Mỗi xã hội cụ thể trong một giai đoạn lịch sử cụ thể có một logic phân tầng xã hội bao gồm: (i) xác định một thang cụ thể giá trị của tám tài nguyên tổng quát ấy; (ii) dựng nên một hệ thống các vị trí xã hội; (iii) xác định những quy tắc phân phối tài nguyên vào các vị trí xã hội, và (iv) xác định những quy tắc sắp đặt các cá

nhân vào các vị trí xã hội, bao gồm cả sự chuyển chuyên họ.

Trên thực tế, những cơ chế trên không bao giờ hình thành một lần là xong, mà thường xuyên biến đổi, khi và nơi thì tiệm tiến, khi và nơi thì phi tuyến và đảo lộn. Mô hình Grusky không bàn về quá trình này cũng không bàn về cội nguồn của các cơ chế. Đó là chủ đề của những lý thuyết xã hội học và sử học khác.

9. KẾT LUẬN

Từ lâu, cộng đồng xã hội học quốc tế đồng thuận rằng lý thuyết phân tầng xã hội của Karl Marx và Max Weber là hai nền tảng cổ điển trong địa hạt nghiên cứu này. Từ cuối thập niên 1990, David Bryan Grusky và cộng sự nỗ lực phác họa cảnh quan nghiên cứu phân tầng xã hội và phát triển mô hình phân tích tám tài nguyên phân tầng xã hội. Trong lịch sử nghiên cứu phân tầng xã hội quốc tế, Grusky coi giai đoạn 1945-1985 là thời kỳ đo lường phân tầng xã hội theo cấu trúc luận. Mô hình giai cấp sau Thế chiến II dựa trên giả định các giai cấp là những tổ hợp của các gói sản lượng [endowment], chẳng hạn mức học vấn, các điều kiện lao động (mức độ tự chủ) và gói phần thưởng (thu nhập, v.v.). Cụ thể hơn, các nghiên cứu phân tầng tìm hiểu tổ hợp những đặc trưng: học vấn, đào tạo nghề, thu nhập, tính ổn định hay chắc chắn của việc làm, uy tín xã hội [social honor và prestige], mức quyền

hạn và tự chủ [autonomy] trong việc làm, sức khỏe. Tóm lại, là một tổ hợp các mức độ trong những khía cạnh của tám kiểu tài nguyên. Xa hơn, xã hội học phân tầng xã hội quốc tế cũng nỗ lực làm rõ sự vận hành của bốn cơ chế phân bổ tài nguyên và con người trong các xã hội cụ thể.

Nhu cầu quản lý xã hội thực tiễn thúc đẩy ra đời những khung phân loại mang tính thống kê xã hội ở một số nước phát triển cũng như ở cấp độ quốc tế. Từ các lý thuyết đại cương và từ thành tựu phân loại xã hội thống kê, các nhà xã hội học tìm tòi và thử nghiệm những khung phân loại phân tầng xã hội làm công cụ cho điều tra thực nghiệm. Trong đó mốc nổi bật là khung 12 giai cấp của Erik Olin Wright và khung 11 giai cấp của John Harry Goldthorpe. Nhiều người cho rằng mô hình Wright dựa nhiều hơn vào lý thuyết Marx, còn mô hình Goldthorpe thì dựa nhiều hơn vào lý thuyết Weber. Bốn mươi năm qua, nhiều học giả vận dụng hai khung phân loại đó theo những cách khác nhau để khảo sát thực nghiệm cơ cấu phân tầng của các xã hội cụ thể. Họ cũng thu thập dữ liệu về nhiều đặc điểm xã hội khác kèm theo để xem xét tương quan giữa cơ cấu giai tầng xã hội với những đặc trưng xã hội ấy. Qua đó đo lường cấu trúc và động năng của thế giới xã hội con người. □

CHÚ THÍCH

(1) “Since social stratification is the most binding and central concern of sociology, changes in the study of social stratification reflect trends in the entire discipline” (Faris and Form, 2020).

(2) “The appropriate conclusion is not that some sort of “take-off period” is still underway, but rather that stratification research is firmly institutionalized and has successfully consolidated its standing as one of the dominant approaches within sociology” (Grusky, editor, 2001: xi).

(3) Bổ sung và song song với series đó, Grusky cũng chủ biên cùng Szonja Szelényi cuốn *The Inequality Reader: Contemporary and Foundational Readings in Race, Class, and Gender* xuất bản lần đầu 2011 và tái bản 2018. Grusky còn chủ biên cùng Jasmine Hill cuốn *Inequality in the 21st Century: A Reader* xuất bản lần đầu 2018. Từ giữa thập niên 1990 đến nay, những công trình trên phản ánh khá toàn cảnh tình hình nghiên cứu về chùm chủ đề liên quan đến nhau: phân tầng xã hội, di động xã hội, bất bình đẳng, nghèo.

(4) “social structure refers to the enduring, orderly and patterned relationships between elements of a society, a definition that prompted some nineteenth-century sociologists to compare societies with machines or organisms” (Abercrombie *et al.*, 2006: 361).

(5) “social institutions, as organized patterns of social behaviors, are proposed as the elements of social structure” (Abercrombie *et al.*, 2006: 381).

(6) “Social stratification is the hierarchical arrangement of large social groups based on their control over basic resources” (Kendall, 2010: 208).

(7) “Stratification involves patterns of structural inequality that are associated with membership in each of these groups, as well as the ideologies that support inequality. Sociologists examine the social groups that make up the hierarchy in a society and seek to determine how inequalities are structured and persist over time” (Kendall, 2010: 208).

(8) “Social differences become social stratification when people are ranked hierarchically along some dimension of inequality. Members of the various layers or strata tend to have common life-chances or lifestyle and may display an awareness of common identity, and these characteristics further distinguish them from other strata” (Abercrombie *et al.*, 2006: 381).

(9) “Stratification systems can be founded on a variety of social characteristics; for example, social class, race, gender, birth or age. These can be ranged from those that are essentially to do with prestige and status, for example, to those that are more to do with economic characteristic, such as social class (Abercrombie *et al.*, 2006: 381).

(10) Nguyên bản bức thư xem: *Letter from Marx to Pavel Vasilyevich Annenkov in Paris*, trong: Marx/Engels Internet Archive, 2000. Năm 1859, Marx giải thích đầy đủ hơn trong Lời Nói đầu công trình *A Contribution to the Critique of Political Economy* [Góp phần phê phán kinh tế học chính trị] (Marx, 1859, Preface).

(11) “The history of all hitherto existing society is the history of class struggles. Freeman and slave, patrician and plebeian, lord and serf, guild-master and journeyman, in a word, oppressor and oppressed, stood in constant opposition to one another, carried on an uninterrupted, now hidden, now open fight, a fight that each time ended, either in a revolutionary reconstitution of society at large, or in the common ruin of the contending classes. In the earlier epochs of history, we find almost everywhere a complicated arrangement of society into various orders, a manifold gradation of social rank. In ancient Rome we have patricians, knights, plebeians, slaves; in the Middle Ages, feudal lords,

vassals, guild-masters, journeymen, apprentices, serfs; in almost all these classes, again, subordinate gradations.” (Marx and Engels, 1848).

⁽¹²⁾ Các bản dịch tác phẩm của Marx và Engels ở miền Bắc Việt Nam trong thập niên 1960 dịch *middle class* là giai cấp trung đẳng, ngày nay thuật ngữ giai cấp trung lưu phổ biến hơn. Gần mười năm sau, khi tư tưởng chín muồi hơn và khác với *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* là một cương lĩnh chính trị, trong công trình học thuật xuất bản năm 1859 *A Contribution to the Critique of Political Economy*, Marx nói đến ba đại giai cấp của xã hội tư sản hiện đại: “Tôi xem xét hệ thống kinh tế tư sản theo trật tự như sau: tư bản, sở hữu đất, lao động lấy tiền công; nhà nước, ngoại thương, thị trường thế giới. Các điều kiện kinh tế của ba đại giai cấp mà xã hội tư sản phân chia vào đó được phân tích trong ba đề mục đầu tiên; còn sự kết nối của ba đề mục tiếp theo thì tự chúng đã rõ ràng” (“I examine the system of bourgeois economy in the following order: capital, landed property, wage-labour; the State, foreign trade, world market. The economic conditions of the three great classes into which bourgeois society is divided are analyzed under the first three headings; the interconnection of the other three headings is self-evident”) (Marx, 1859, Preface).

⁽¹³⁾ “A class situation is one in which there is a shared typical probability of procuring goods, gaining a position in life, and finding inner satisfaction.” (Weber, 1978: 302).

⁽¹⁴⁾ Sau này ở Trung Quốc, Lục Học Nghệ và cộng sự dùng khái niệm tương tự. Họ nói đến nguồn lực tổ chức, bao gồm nguồn lực tổ chức hành chính và nguồn lực tổ chức chính trị (Phùng Thị Huệ, 2008: 71-74).

⁽¹⁵⁾ Chẳng hạn, Grusky và Jesper B. Sorensen khai thác trở lại di sản của Emile Durkheim và cho rằng bên cạnh truyền thống kinh điển nghiên cứu phân tầng xã hội của Marx và Weber, thì còn có hướng phân tích thứ ba, riêng của Durkheim (Grusky and Sorensen, 2008).

⁽¹⁶⁾ Năm 2001, mô hình Grusky mới chỉ nêu bảy loại tài nguyên, chưa có tài nguyên “thể chất” [physical asset] (Grusky, 2001: 4).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Abercrombie, Nicholas, Stephen Hill, and Bryan S. Turner. 2006. *The Penguin Dictionary of Sociology*. Fifth edition. Penguin Books.
2. Bergman, Manfred Max and Dominique Joye. 2005. “Comparing Social Stratification Schemata: CAMSIS, CSP-CH, Goldthorpe, ISCO-88, Treiman, and Wright”. *Cambridge Studies in Social Research*. No. 10. Social Science Research Group, Cambridge University.
3. Breen, Richard. 2005. “Foundations of a Neo-Weberian Class Analysis”. Trong: Wright, Erik Olin (ed.). 2005. *Approaches to Class Analysis*. Cambridge University Press. 31-50.
4. Bùi Thế Cường. 2019a. “Phân loại thực nghiệm giai cấp xã hội chính thức ở Anh”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 3(147), tr. 51-59.
5. Bùi Thế Cường. 2019b. “Nghiên cứu cơ cấu giai tầng xã hội Việt Nam thập niên 1980”. *Tạp chí Khoa học Xã hội TP HCM*. Số 12(256), tr. 26-36.
6. Bùi Thế Cường. 2020a. “Giai cấp trung lưu và công nhân lao động Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam thập niên 2000”. *Tạp chí Khoa học Xã hội TP HCM*. Số 8(264), tr. 24-41.

7. Bùi Thế Cường. 2020b. *Báo cáo tổng hợp Đề tài cấp Bộ “Cơ cấu giai tầng xã hội vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2010-2020”*. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Hà Nội.
8. Erikson, Robert and John H. Goldthorpe. 1992. *The Constant Flux: A Study of Class Mobility in Industrial Societies*. Oxford: Clarendon Press.
9. Faris, Robert E. L. and William Form. 2020. “Social Stratification”. Trong: *Britannica Encyclopedia*.
10. Goldthorpe, John H. 2000. *On Sociology: Numbers, Narratives and the Integration of Research and Theory*. Oxford University Press.
11. Grusky, David B. (Editor). 1994. *Social Stratification: Class, Race, and Gender in Sociological Perspective*. First Edition. Avalon Publishing.
12. Grusky, David B. 2001. “The Past, Present, and Future of Inequality”. Trong: Grusky, David B. (Editor). 2001. *Social Stratification: Class, Race, and Gender in Sociological Perspective*. Second Edition. Westview Press, pp. 3-51.
13. Grusky, David B. (Editor). 2001. *Social Stratification: Class, Race, and Gender in Sociological Perspective*. Second Edition. Westview Press.
14. Grusky, David B. (Editor). 2008. *Social Stratification: Class, Race, and Gender in Sociological Perspective*. Third Edition. Westview Press.
15. Grusky, David B. (Editor). 2014. *Social Stratification: Class, Race, and Gender in Sociological Perspective*. Fourth Edition. Westview Press.
16. Grusky, David B. and Jasmine Hill (Editors). 2018. *Inequality in the 21st Century: A Reader*. Routledge.
17. Grusky, David B. and Jesper B. Sorensen. 2008. “Are There Big Social Classes?”. Trong: Grusky, David B. (Editor). 2008. *Social Stratification: Class, Race, and Gender in Sociological Perspective*. Third Edition. Westview Press, pp. 165-175.
18. Grusky, David B. and Katherine R. Weisshaar. 2014. “The Questions We Ask About Inequality”. Trong: Grusky, David B. (Editor). 2014. *Social Stratification: Class, Race, and Gender in Sociological Perspective*. Fourth Edition. Westview Press, pp. 1-16.
19. Grusky, David B. and Manwai C. Ku. 2008. “Gloom, Doom, and Inequality”. Trong: Grusky, David B. (Editor). 2008. *Social Stratification: Class, Race, and Gender in Sociological Perspective*. Third Edition. Westview Press, pp. 2-28.
20. Grusky, David B. and Szonja Szelényi (Editors). 2011. *The Inequality Reader: Contemporary and Foundational Readings in Race, Class, and Gender*. Westview Press.
21. Grusky, David B. and Szonja Szelényi (Editors). 2018. *The Inequality Reader: Contemporary and Foundational Readings in Race, Class, and Gender*. Routledge.
22. Kendall, Diana. 2010. *Sociology in Our Time: The Essentials*. Eight edition. Wardworth Cengage Learning.
23. Kolosi, Tamás and Ivan Szelényi. 1993. “Social Change and Research on Social Structure in Hungary”. Trong: Nedelmann, Birgittea and Piotr Sztompka (ed.). 1993. *Sociology in Europe: In Search of Identity*. Walter de Gruyter, pp. 141-164.
24. Marx, Karl. 1859. *A Contribution to the Critique of Political Economy*. Marx/Engels Internet Archive (marxists.org), 1999.

25. Marx, Karl and Frederick Engels. 1848. *Manifesto of the Communist Party*. Marx/Engels Internet Archive (marxists.org), 1987, 2000.
26. Marx/Engels Internet Archive. 2000. *Marx/Engels Letter*. Marx/Engels Internet Archive (marxists.org).
27. Các Mác. 1973. *Tư bản: Phê phán khoa kinh tế chính trị. Quyển thứ nhất. Quá trình sản xuất của tư bản*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
28. Mác và Ăng-ghe-n. 1962. *Một số thư về chủ nghĩa duy vật lịch sử*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
29. OpenStax. 2017. *Introduction to Sociology 2e*. Rice University.
30. Phùng Thị Huệ (chủ biên). 2008. *Biến đổi cơ cấu giai tầng xã hội ở Trung Quốc trong thời kỳ cải cách mở cửa*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
31. Savage, Mike. 2016. "The fall and rise of class analysis in British sociology, 1950-2016". *Tempo social, revista de sociologia da USP*, v. 28, n. 2, pp. 57-72.
32. Waters, Tony and Dagmar Waters (edited and translated). 2015. *Weber's Rationalism and Modern Society: New Translations on Politics, Bureaucracy, and Social Stratification*. Palgrave.
33. Weber, Max. 1978 [1922]. *Economy and Society: An Outline of Interpretative Sociology*. Edited by Guenther Roth and Claus Wittich. University of California Press.
34. Wright, Erik Olin. 1985. *Classes*. Verso.
35. Wright, Erik Olin *et al.* 1989. *Debates on Classes*. Verso.
36. Wright, Erik Olin. 1997. *Class Counts: Comparative Studies in Class Analysis*. Cambridge University Press.
37. Wright, Erik Olin. 2005a. "Introduction". Trong: Wright, Erik Olin (ed.). 2005. *Approaches to Class Analysis*. Cambridge University Press, pp. 1-3.
38. Wright, Erik Olin. 2005b. "Foundations of a Neo-Marxist Class Analysis". Trong: Wright, Erik Olin (ed.). 2005. *Approaches to Class Analysis*. Cambridge University Press, pp. G4-30.
39. Wright, Erik Olin (ed.). 2005c. *Approaches to Class Analysis*. Cambridge University Press.
40. Wright, Erik Olin. 2015. *Understanding Class*. Verso.